

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 95/2017/HSST
Ngày 21-6-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Đức.

2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2017, tại Hội trường UBND xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2017/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2017, Quyết định xét xử số 100/2017/HSST ngày 08 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Văn R, sinh năm 1976; Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; con ông Trần Văn M, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1933; có vợ là Phạm Thị L, sinh năm 1976; có hai con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 04/3/2016 bị Công an huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 11/4/2017 đến ngày 14/4/2017 chuyển tạm giam. Bị cáo có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1962; Nơi cư trú: tổ 15, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

2. Anh Bùi Mạnh T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: tổ 18, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 11/4/2017, Trần Văn R điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Landa, màu nâu biển kiểm soát 17K8- 9829 từ nhà đến khu vực thôn Đ, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình gặp và mua của một người nam giới khoảng 40 tuổi không quen biết 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng để sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy, R điều khiển xe mô tô mục đích đi tìm chỗ vắng để sử dụng. Khi R đang đi trên đường Lý Bôn, thuộc tổ 01, xã P, thành phố T thì bị Tổ công tác Công an thành phố Thái Bình yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của hai người làm chứng là ông Lê Xuân T và anh Bùi Mạnh T, R đã tự giác lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc giao nộp cho Tổ công tác 01 gói nhỏ bên ngoài được gói bằng túi nilon trong suốt, bên trong có 01 cục chất bột màu trắng. R khai nhận đó là Hêrôin R vừa mua mục đích để sử dụng cho bản thân. Kiểm tra người R, thu tại túi quần bên trái R đang mặc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo - vibe màu trắng (đã qua sử dụng) và thu tại túi quần hậu bên phải của R 01 chiếc ví giả da màu nâu, bên trong có số tiền 3.500.000 đồng. Ngoài ra Công an còn quản lý của R chiếc xe mô tô nói trên.

Kết luận giám định số 121/KLGD-PC54 ngày 11/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận : Mẫu gửi giám định thu của Trần Văn R là ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng 3,4017 gam (ba phẩy bốn nghìn không trăm mười bảy gam).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Bị cáo đề nghị xin lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Landa, màu nâu biển kiểm soát 17K8- 9829, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo - vibe màu trắng, chiếc ví giả da màu nâu và số tiền 3.500.000 đồng mà Công an thu giữ của bị cáo.

Bản cáo trạng số 99/KSĐT ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn R về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn R về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/QH13 ngày 27/11/2015; điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn R từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và 76 Bộ luật tố tụng Hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo - vibe màu trắng, 01 chiếc ví giả da màu nâu, số tiền 3.500.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Landa, màu nâu biển kiểm soát 17K8- 9829.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ngày 11/4/2017 Trần Văn R có hành vi tàng trữ trái phép trên người 3,4017 gam Hêrôin, mục đích để sử dụng cho bản thân. Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự: *“Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”*

Hành vi của bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Thái Bình lập hồi 09 giờ 45 phút ngày 11/4/2017, phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Lê Xuân T và anh Bùi Mạnh T, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo R thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của nhà nước, là nguyên nhân làm phát sinh và gia tăng các loại tội phạm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, có nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm, tàng trữ trái phép trên người 3,4017 gam Hêrôin. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu sự trừng trị của pháp luật, đây là bài học cho bị cáo và những người mắc nghiện ma túy, phạm các tội về ma túy.

Khi quyết định hình phạt xét thấy:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân của bị cáo: Ngày 04/3/2016 bị Công an huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc. Bị cáo đã nộp xong tiền phạt vào ngày 04/3/2016, tính đến ngày bị cáo phạm tội ngày 11/4/2017 là đã trên 01 năm, như vậy lần bị xử phạt hành chính trên không còn tính là tiền sự nhưng không coi là có nhân thân tốt.

Hội đồng xét xử cũng áp dụng khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII để quyết định mức hình phạt nhẹ hơn có lợi cho bị cáo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cụ thể: Bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 thì mức hình phạt đối với bị cáo từ 02 năm đến 07 năm, nhưng do bị cáo được áp dụng quy định có lợi của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên theo khoản 1 Điều 249 “tội tàng trữ trái phép chất ma túy” của Bộ luật này thì mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm đến 05 năm.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử áp dụng mức án tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và để giáo dục, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ*

một năm đến năm năm”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo Trần Văn R không có việc làm và thu nhập ổn định, tàng trữ trái phép ma túy để sử dụng, không có mục đích lợi nhuận nên không phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật phẩm cấm lưu hành nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

Chiếc điện thoại di động, chiếc ví giả da và số tiền 3.500.000 đồng là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến việc bị cáo phạm tội nên căn cứ vào khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự cần trả lại cho bị cáo.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Landa, màu nâu biển kiểm soát 17K8- 9829 là tài sản hợp pháp của bị cáo, mặc dù bị cáo điều khiển xe đi mua ma túy sử dụng nhưng chiếc xe này thường dùng làm phương tiện đi lại cho cả gia đình của bị cáo, vì vậy cần tuyên trả lại xe cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được người bán ma túy cho bị cáo nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn R phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII. Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Trần Văn R 02 năm 09 tháng tù (hai năm chín tháng tù). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 11/4/2017.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số Hêrôin hoàn trả sau giám định chứa trong phong bì niêm phong vật chứng số 121/KLGD-PC54.

- Trả lại cho Trần Văn R chiếc xe mô tô nhãn hiệu Landa, màu nâu biển kiểm soát 17K8- 9829; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo- vibe màu trắng; 01 ví giả da màu nâu và số tiền 3.500.000 đồng.

(Các vật chứng trên đã được bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự ngày 25/5/2017).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Trần Văn R phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn R có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Kiên Trung